

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **39/2021/HS- ST**
Ngày: 11- 8- 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC LINH, TỈNH BÌNH THUẬN

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thái

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Lê Thị Kiều Hương.

2/ Ông Nguyễn Văn Thiện;

-Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 11/8/2021, tại Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2021/TLST-HS, ngày 8/7/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2021/QĐXXST-HS ngày 26/7/2021, đối với bị cáo:

Trần Văn Tr, sinh năm 1979, tại: Thái Bình

Nơi cư trú: Tổ 5, thôn ĐT, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận; nghề nghiệp: lao động phổ thông; trình độ học vấn: Lớp 5/12 (có khi khai là lớp 4/12); dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn B và bà Phạm Thị H; có vợ tên Nguyễn Thị H1, có 01 con, sinh năm 2008; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Năm 2002 bị kết án 04 năm tù về tội cướp tài sản; năm 2009 bị kết án 10 tháng tù về tội trộm cắp tài sản (đã được xóa án tích); bị cáo tại ngoại . Có mặt.

-Bị hại:

+ Ông Nguyễn Đình K, sinh năm 1964.

Nơi cư trú: Ấp TH, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

+Ông Ngô Phước T, sinh năm 1981

Nơi cư trú: Tổ 1, thôn NH, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

+Ông Vũ Bá T1, sinh năm 1968

Nơi cư trú: Tổ 4, thôn NH, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

-Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+Ông Vũ Văn Đ1, sinh năm 1971;

Nơi cư trú: Thôn 2B, xã ĐH, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

+Bà Nguyễn Thị T2, sinh năm 1984

Nơi cư trú: Tổ 7, thôn 8, xã ĐT, huyện Đ, tỉnh Bình Thuận. Vắng mặt.

+Ông Lê Văn C, sinh năm 1966.

Nơi cư trú: Số 220 đường ĐT 766, ấp TH, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 20/2/2021 Trần Văn Tr điều khiển xe ô tô tải biển số 60C- 497.18 của bà Nguyễn Thị T2, đi bắt heo thuê cho bà T2. Trong lúc chờ bà T2 chỉ địa điểm bắt heo, Tr điều khiển xe chạy trong cụm công nghiệp NH, xã ĐH, huyện Đ. Khi chạy ngang qua ngôi nhà thu mua mủ cao su của ông Ngô Phước T, thấy cửa khóa, không có người, nên nảy sinh ý định trộm những cánh cửa sắt nhà ông T bán lấy tiền. Tr chạy xe đến trước nhà, dùng 01 tuýp sắt có sẵn trên xe phá khóa và gỡ 04 tấm cửa sắt có cùng kích thước 63cm x 257cm. Sau đó bỏ lên xe tải chở đến tiệm phế liệu của ông Lê Văn C, ở ấp TH, xã XT, huyện XL, tỉnh Đồng Nai bán được 600.000 đồng. Sau khi

phát hiện tài sản bị trộm, ông T báo Công an xã ĐH. Đến chiều cùng ngày Tr đến Công an khai báo sự việc.

Qua định giá xác định 04 cánh cửa sắt của ông T có giá trị 1.900.000 đồng.

Quá trình điều tra xác định được, khi đến khu vực Phân trại 4, Trại giam XL, đóng trên địa bàn xã ĐH để câu cá, lợi dụng các rẫy của dân vắng người, Tr đã trộm 02 lần như sau: Khoảng 18 giờ 30 phút ngày 16/01/2021 Tr gỡ trộm 02 cánh cửa cổng bằng sắt kích thước 230cm x 200cm, tại rẫy ông Vũ Bá T1. Sau đó đến nhà ông Vũ Văn Đ1 mượn xe lôi đến chở 02 cửa sắt đem về nhà giấu. Ngày 9/2/2021 gỡ trộm 02 cánh cửa cổng bằng sắt kích thước 265cm x 205cm của ông Nguyễn Đình K, rồi mượn xe lôi của ông Đ1 chở về nhà cất giấu.

Qua định giá xác định 02 cánh cửa sắt trộm của ông T1 có giá trị 2.500.000 đồng; 02 cánh cửa sắt trộm của ông K có giá trị 3.000.000 đồng.

Các tài sản do Tr trộm cắp đã được thu hồi và trả lại cho chủ sở hữu. Các bị hại đều không yêu cầu bồi thường. Ông Lê Văn C mua 04 cánh cửa do Tr trộm của ông T, nhưng không biết là tài sản do trộm cắp, nên không xử lý. Về dân sự buộc Tr phải bồi thường cho ông C 600.000 đồng.

Theo Cáo trạng số 44/CT-VKSĐL-HS ngày 8/7/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh truy tố Trần Văn Tr ra trước Tòa án nhân dân huyện Đức Linh để xét xử về tội: Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đức Linh, giữ nguyên Cáo trạng; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự;

-Phạt bị cáo Trần Văn Tr từ 9 đến 12 tháng tù. Buộc bị cáo phải bồi thường cho ông Lê Văn C số tiền 600.000 đồng.

Bị cáo: Không có ý kiến tranh luận. Xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại ông Ngô Phước T, ông Vũ Bá T1, ông Nguyễn Đình K, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Văn Đ1, bà Nguyễn Thị T2, ông Lê Văn C, nhưng trong hồ sơ đã có lời khai của họ. Đồng thời việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến tính khách quan, toàn diện của vụ án, nên xét xử vắng mặt họ, theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi của bị cáo: Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với các chứng cứ trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Với mục đích trộm cắp tài sản để bán lấy tiền tiêu xài và đem về sử dụng. Nên trong khoảng thời gian từ ngày 16/01/2021 đến ngày 20/2/2021, bị cáo Trần Văn Tr, sinh năm 1979, đã thực hiện 03 lần trộm tài sản của người khác là những cánh cửa, cánh cổng bằng sắt, với tổng giá trị tài sản là 7.400.000 đồng, trong đó có 02 lần cấu thành tội phạm độc lập (tài sản chiếm đoạt có giá trị từ 2.000.000 đồng trở lên). Do đó, hành vi của bị cáo cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”, theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

[3] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội bị cáo thực hiện: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm quyền sở hữu về tài sản, bị cáo gỡ trộm những cánh cửa, cánh cổng làm cho các chủ sở hữu hoang mang, lo lắng và bức xúc, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự an toàn xã hội. Do đó cần phải xử phạt để giáo dục và răn đe, phòng ngừa.

[4] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Sau khi bị phát hiện hành vi phạm tội, bị cáo khai báo thành khẩn, khi nghe thông tin hành vi phạm tội của mình bị phát giác, thì ra đầu thú, khai báo những hành vi phạm tội trước đó, nên áp dụng điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: bị cáo thực hiện 03 lần trộm cắp, trong đó có 02 lần đủ yếu tố cấu thành tội phạm độc lập, nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng phạm tội 02 lần trở lên, theo điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Ngoài ra bị cáo có nhân thân xấu, vì trước đây đã bị kết án về hành vi

chiếm đoạt. Do đó cần cách ly bị cáo một thời gian để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện.

[5] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Các tài sản bị cáo trộm cắp đã được thu hồi trả lại cho các bị hại và không ai yêu cầu bồi thường gì, nên không phải xem xét. Việc bị cáo dùng xe ô tô tải của bà T2, mượn xe lôi của ông Đ1 để vận chuyển tài sản đi bán, đưa về nhà cất giấu, nhưng bà T2, ông Đ1 không biết, nên không phải chịu trách nhiệm gì. Đối với ông C mua 04 cánh cửa sắt do bị cáo trộm của ông T, khi mua ông C không biết đây là tài sản do phạm tội mà có, nên không xử lý hành vi của ông C là phù hợp. Cần buộc bị cáo phải bồi thường cho ông C 600.000 đồng tiền đã mua 04 cánh cửa sắt như đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[6] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về giải quyết vụ án là phù hợp và có căn cứ. Cáo trạng của Viện kiểm sát không cộng dồn tổng giá trị tài sản của 03 lần trộm cắp để truy tố bị cáo mà tách lần trộm cắp tài sản có giá trị dưới 2.000.000 đồng để xử lý hành chính, nhưng trong Cáo trạng và tại phiên tòa vẫn xác định ông Ngô Phước T là bị hại, ông Lê Văn C là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án và đề nghị xử lý việc bồi thường về lần trộm cắp này là chưa phù hợp. Bởi cả 03 lần trộm cắp của bị cáo, chưa có lần nào bị xử lý, đồng thời các lần trộm của bị cáo đều nhằm vào 01 loại tài sản, với cách thức tương đối giống nhau đó là: Lợi dụng các chủ vắng có cửa nhà, có cổng làm bằng sắt mà không có người ở, để lén lút gỡ trộm cửa, cổng sắt. Về mặt thời gian trong vòng hơn 01 tháng bị cáo đã 03 lần trộm cắp và mỗi lần thực hiện hành vi phạm tội đòi hỏi nhiều thời gian; tài sản chiếm đoạt có kích thước lớn, nặng, cần có phương tiện (như xe lôi, xe tải) để vận chuyển từ nơi phạm tội đến nơi tiêu thụ hoặc nơi cất giấu. Do đó 03 lần trộm cắp này của bị cáo xem như liên tục và kế tiếp nhau. Vì vậy, cần phải cộng dồn tất cả giá trị các tài sản mà bị cáo chiếm đoạt trong thời gian từ ngày 16/1/2021 đến ngày 20/2/2021, để làm căn cứ truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên việc cộng dồn giá trị tài sản 1.900.000 đồng trộm của ông T, cũng không làm thay đổi việc định khung, định tội đối với bị cáo, nên không cần thiết phải trả hồ điều tra bổ sung.

[7] Về hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Kể từ khi tiếp nhận tin báo về tội phạm cho đến khi ban hành kết luận điều tra, Điều tra viên thực hiện hành vi tố tụng, ban hành các văn bản tố tụng đúng thẩm quyền, đúng thời hạn và đúng trình tự của Bộ luật Tố tụng hình sự; thực hiện các hoạt động điều tra đúng luật định. Đối với Kiểm sát viên trong quá trình giám sát các hoạt động ở giai đoạn điều tra thực hiện đúng thẩm quyền. Trong giai đoạn truy tố Kiểm sát viên tiến hành hoạt động tố tụng đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng. Trong giai đoạn điều tra, truy tố không có sự khiếu nại gì.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự và dân sự sơ thẩm, theo quy định.

[9] Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án, theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm b khoản 1 Điều 46, điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 292, Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự, Điều 584, khoản 1 Điều 586, Điều 589, 357, 468 Bộ luật Dân sự; Điều 23, 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Tuyên bố: Trần Văn Tr phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Phạt: Bị cáo Trần Văn Tr 01 (một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù, tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Buộc Trần Văn Tr bồi thường cho ông Lê Văn C 600.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông Lê Văn C cho đến khi thi hành án xong, Trần Văn Tr còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Trần Văn Tr phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (11/8/2021), bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án, để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh
- VKSND huyện Đức Linh
- CQTHAHS, Bộ phận Hồ sơ – Công an huyện
- TTLLTP-QG, Sở Tư pháp Bình Thuận
- Chi cục THADS huyện Đức Linh
- Bị cáo, bị hại, người bào chữa (nếu có)
- Lưu hồ sơ vụ án + Văn Phòng

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:

Nguyễn Văn Thái